

Bản án số: **93/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 22/9/2021
V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Tân

2. Ông Phạm Quang Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **342/2021/TLST-HNGĐ** ngày 01 tháng 06 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **110/2021/QĐXXST-HNGĐ** ngày 02 tháng 7 năm 2021; Thông báo dời thời gian hoãn phiên tòa số **140/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 19 tháng 7 năm 2021; Thông báo dời thời gian hoãn phiên tòa (Lần 2) số: **170/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 06 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Trần Thị P**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

*** Bị đơn: Anh Trương Quang C**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: khu 2, ấp HB, xã BH, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:**

Chị và anh Trương Quang C tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã BH, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Đến năm 2020 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C thiếu sự quan tâm gia đình, thường xuyên tụ tập bên ngoài cùng bạn bè ăn nhậu về nhà vợ chồng gây gổ dẫn đến việc anh C đánh chị, tình cảm ngày một lạnh nhạt và vợ chồng

không còn tin tưởng lẫn nhau. Kéo dài đến đầu năm 2021 vợ chồng ly thân chị P có yêu cầu ly hôn với anh C.

Vợ chồng chung sống có 03 con chung là các cháu Trương Thanh H, sinh ngày 23/8/2008, cháu Trương Hải Y, sinh ngày 31/8/2012 và cháu Trương Thiên B, sinh ngày 15/6/2016. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000đ(Sáu triệu)/ 03 cháu.

Về tài sản chung: chị khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

**** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, Bị đơn anh Trương Quang C trình bày:***

Anh thừa nhận thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị Phương trình bày. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng vào cuối năm 2020 do anh có nghi ngờ chị P có tình cảm với người đàn ông bên ngoài nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn từ đó chị P có yêu cầu ly hôn với anh. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị P có yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Vợ chồng chung sống có 03 con chung cháu Trương Thanh H, sinh ngày 23/8/2008, cháu Trương Hải Y, sinh ngày 31/8/2012 và cháu Trương Thiên B, sinh ngày 15/6/2016. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao các cháu cho chị P nuôi dưỡng và đồng ý trợ cấp nuôi 03 con hàng tháng là 6.000.000đ(Sáu triệu).

Tài sản chung và nợ chung : không có.

Vì bận công việc nên anh không có thời gian đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án anh có đơn xin được vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng, cũng như các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử ở Tòa án các cấp.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.***

1/ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

-Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng quy định.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị P khởi kiện tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là: ***“ Ly hôn, tranh chấp nuôi con ”***

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp HB, xã BH, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Chị P có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh C, xác định chị P là nguyên đơn, anh C là bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ viện kiểm sát, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác minh, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX và thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định.

3/ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

4/ Về ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị P và anh C chung sống từ năm 2007 có đăng ký kết hôn theo quy định. Chị P cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng do tính tình không hợp, thường xuyên cãi, anh C thiếu sự quan tâm, thường xuyên tụ tập bên ngoài ăn chơi, bạo lực gia đình. Tình cảm ngày một rạn nứt kéo dài cả hai không còn quan tâm lẫn nhau. Nay chị P có yêu cầu ly hôn anh C đồng ý. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là các cháu Trương Thanh H, sinh ngày 23/8/2008, cháu Trương Hải Y, sinh ngày 31/8/2012 và cháu Trương Thiên B, sinh ngày 15/6/2016. Sau ly hôn chị P có nguyện vọng nuôi dưỡng các cháu và yêu cầu anh C đóng góp phí tổn nuôi các con hàng tháng là 6.000.000đ(Sáu triệu), anh C đồng ý với yêu cầu chị P nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Bởi các lẽ trên: Căn cứ các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị P, chị P được ly hôn với anh Trương Quang C.

Về con chung: giao các cháu Trương Thanh H, sinh ngày 23/8/2008, cháu Trương Hải Y, sinh ngày 31/8/2012 và cháu Trương Thiên B, sinh ngày 15/6/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 6.000.000đ (Sáu triệu)/ 03 cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

5/ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: chị Trần Thị P và anh Trương Quang C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh C là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị P khởi kiện xin ly hôn với anh Trương Quang C, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: **“Ly hôn, tranh**

chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trương Quang C. Xét yêu cầu khởi kiện của chị P Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Trần Thị P và anh Trương Quang C tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã BH, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Đến năm 2020 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C thiếu sự quan tâm gia đình, thường xuyên tụ tập bên ngoài cùng bạn bè ăn nhậu về nhà vợ chồng gây gổ dẫn đến việc anh C đánh chị, còn anh C cho rằng anh nghi ngờ chị P có tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến tình cảm ngày một lạnh nhạt và vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau. Kéo dài đến đầu năm 2021 vợ chồng ly thân chị P có yêu cầu ly hôn anh C đồng ý.

Xét cuộc hôn nhân giữa chị P và anh C tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận cho chị Trần Thị P được ly hôn với anh Trương Quang C là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị P, anh C về việc sau khi ly hôn giao chị P tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung cháu Trương Thanh H, sinh ngày 23/8/2008, cháu Trương Hải Y, sinh ngày 31/8/2012 và cháu Trương Thiên B, sinh ngày 15/6/2016 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 6.000.000đ(Sáu triệu đồng)/ 03 cháu.

[5] Về tài sản chung: chị P, anh C không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: chị P, anh C khai không có.

[7] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chị Trần Thị P phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Anh Trương Quang C phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát: là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P đối với anh Trương Quang C về việc **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**. Cho chị Trần Thị P được ly hôn với anh Trương Quang C.

2. Về con chung: Giao 03 cháu Trương Thanh H, sinh ngày 23/8/2008, cháu Trương Hải Y, sinh ngày 31/8/2012 và cháu Trương Thiên B, sinh ngày 15/6/2016 cho chị P nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 6.000.000đ(Sáu triệu đồng)/ 03 cháu.

Anh Trương Quang C được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, chị Trần Thị P và anh Trương Quang C được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: chị P, anh C không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: chị P, anh C khai không có.

5. Về án phí: chị Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0006724 ngày 14/5/2021 được tính trừ vào án phí.

Anh Trương Quang C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị P, anh Trương Quang C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã BH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Phụng